日暮里校　午後PMクラス／Nippori Campus (Afternoon class)／Campus Nippori(Clases de la tarde)／Cơ sở Nippori: lớp chiều

＊10月10日（金）から新しいクラスで勉強します。自分のクラス、教室、時間を確認して、直接教室へ行ってください。

You will study in a new class from Friday, October 10th. Please check your class, classroom, time and go directly to the classroom.

10月10日(周五)开始重新分班，请确认好自己的班级、教室、上课时间，直接前往教室上课。

10月10日(五)開始重新分班，請確認好自己的班級、教室、上課時間，直接前往教室上課。

10월10일 (금요일) 부터 새로운 클래스 에서 공부합니다. 본인의 클래스, 교실, 시간을 확인하여 직접 교실로 가주세요.

Từ ngày10 tháng10(thứ sáu) các em sẽ học ở lớp mới. Các em hãy xác nhận lớp học, phòng học, giờ học của mình và lên thẳng lớp của các em.

A partir de 10 de octubre,viernes, va a estudiar en nueva clase. Revise su clase, sala y horario y váyase diréctamente a su clase, por favor.

	クラス/班級/Class/Clase/Lớp	教室/Class room/Sala/Phòng học	授業時間/上课时间/Class time/Horario/Giờ học	学生番号／学 号／學號／Student number／Número de estudiante／Số học sinh																			
初級１	N-E	503	13：10～16：30	N08737	N08743	N08748	N08752	N08762	N08776	N08783	N08785	N08793	N08795	N08806	N08810								
	N-F	402	13：10～16：30	N08744	N08756	N08766	N08772	N08781	N08789	N08791	N08802	N08803	NT251002	NT251004									
	N-G	202	13：10～16：30	N08732	N08745	N08758	N08765	N08770	N08774	N08787	N08792	N08804	N08809	NT251005									

	クラス/班級/Class/Clase/Lớp	教室/Class room/Sala/Phòng học	授業時間/上课时间/Class time/Horario/Giờ học	学生番号／学 号／學號／Student number／Número de estudiante／Số học sinh																			
初級２	N-L	403	13：10～16：30	N08739																			
	N-M	302	13：10～16：30	N08734	N08735																		

	クラス/班級/Class/Clase/Lớp	教室/Class room/Sala/Phòng học	授業時間/上课时间/Class time/Horario/Giờ học	学生番号／学 号／學號／Student number／Número de estudiante／Số học sinh																			
初中級	N531	401	13：10～16：30	N08742																			
	N532	501	13：10～16：30	N08749	NC250410																		

	クラス	教室	授業時間	学　生　番　号																			
中級１	N431	502	13：10～16：30	N08786																			
	N432	303	13：10～16：30	N08790																			

	クラス	教室	授業時間	学　生　番　号																			
中級３	N231	203	13：10～16：30	N08775																			